TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TP.HCM** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1307**/2026/QĐST-HNGĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1212/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Kim T,** sinh năm: 1993; CCCD: 079193007472;

Địa chỉ: C, ấp C, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Đinh Văn B,** sinh năm: 1990; CCCD: 079090010068;

Địa chỉ: A ấp A, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn (07) bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1**.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Kim T và ông Đinh Văn B.

2**.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim T và ông Đinh Văn B thuận tình ly hôn với nhau.

Giấy chứng nhận kết hôn số 110/2015 Quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là UBND xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 13/8/2015 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

2.2 Về con chung: Bà Nguyễn Kim T và ông Đinh Văn B xác nhận chung sống có hai con chung tên Đinh Nguyễn Ái L, sinh ngày 21/10/2016 và Đinh Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 22/3/2020. Hiện các con chung đang do bà Nguyễn Kim T nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Kim T và ông Đinh Văn B thỏa thuận thống nhất giao hai con chung tên Đinh Nguyễn Ái L, sinh ngày 21/10/2016 và Đinh Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 22/3/2020 cho bà Nguyễn Kim T tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông Đinh Văn B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Nguyễn Ái L và cháu Đinh Nguyễn Trọng T1 mỗi tháng 1.000.000 đồng/mỗi cháu, thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 10/7/2026 cho đến khi các cháu lần lượt thành niên hoặc chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông Đinh Văn B không thực hiện việc cấp dưỡng theo quyết định thì bà Nguyễn Kim T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Đinh Văn B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà Nguyễn Kim T có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Đinh Văn B còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Đinh Văn B có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Kim T và ông Đinh Văn B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Bà Nguyễn Kim T và ông Đinh Văn B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về án phí: Bà Nguyễn Kim T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Kim T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 036285 ngày 09/6/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Kim T đã nộp đầy đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 34 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND KV 10 – TP. HCM;
- THADS TP . HCM;
- UBND xã Tân Nhựt – TP . HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hồng Cẩm

